

Số: 56/QĐ - TrBDCB

Hà nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu - chi NSNN quý 1 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-LMHTXVN ngày 12/6/2013 của Chủ tịch Liên minh HTX Việt nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Bồi dưỡng Cán Bộ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TT ngày 24/12/2025 của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Trường Bồi dưỡng cán bộ;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TT ngày 24/01/2025 của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước bổ sung năm 2024 cho Trường Bồi dưỡng cán bộ;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 1 năm 2025 của Trường Bồi dưỡng cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai thực hiện dự toán thu - chi NSNN quý 1 năm 2025 của Trường Bồi dưỡng cán bộ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Phòng Tài chính - Kế toán và các phòng có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Anh Huân

Đơn vị: Trường Bồi dưỡng Cán bộ
Chương: 048

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH**Quý I năm 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8,224,000,000	631,237,564		
I	Nguồn ngân sách trong nước	8,224,000,000	631,237,564		
1	Chi quản lý hành chính				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	800,000,000			
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	800,000,000			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
	Đề tài: "Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt ở các hợp tác xã nông nghiệp khu vực miền núi phía Bắc"	400,000,000			

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Đề tài: "Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động cung ứng và tiêu thụ tập trung trong các hợp tác xã nông nghiệp"	400,000,000			
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4,424,000,000	631,237,564		
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: Chi thực hiện nhiệm vụ	2,224,000,000	631,237,564	0.28	
33	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thành viên HTX	2,200,000,000			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	3,000,000,000			
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp: Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.	1,000,000,000	0		
	Chương trình MTQG phát triển ĐBDTTS&MN: dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: Tiểu dự án 2; Nhiệm vụ: Tập huấn nâng cao năng lực TMĐT cho thành viên HTX và đại diện các hộ SXKD vùng DTTS&MN	2,000,000,000	0		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 1... tháng 11... năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



HIỆU TRƯỞNG